

Bản án số: 84/2022/HS-ST

Ngày: 22/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP H N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ng Th Nh

Thẩm phán: Ông Ph H C

Các Hội thẩm nhân dân: Bà V Th Th Ng

Bà Ng V Th T M1

Bà Tr Th D

Thư ký phiên tòa: Bà Ng Th Hh – *Thư ký Tòa án nhân dân TP H N.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H N tham gia phiên tòa: Ông Ng C T - *Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP H N mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 543/2021/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/HSST-QĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Đ Th H, sinh năm 1984; giới tính: nữ; ĐKNKTT: tổ dân phố B B, thị trấn C Th, huyện Tr N, tỉnh N Đ; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đ V C và bà Ng Th H2; có chồng và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2021 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đ X Đ thuộc công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Ln – Đoàn Luật sư TP H N. Có mặt.

Bị hại:

1. Bà Ph Th N 1956; địa chỉ: thôn C Đ, xã H B, huyện Đ A, TP H N. Có mặt.

2. Chị L Th Th Hn 1980; địa chỉ: 122 đường M Đ, phường M Đ 2, quận N T L, TP H N. Có mặt.

3. Anh L V Th 1975; địa chỉ: khu 6, xã T X, huyện C Kh, tỉnh Ph Th. Có mặt.

4. Chị L Th M 1986; địa chỉ: 120 đường M Đ, phường M Đ 2, quận N T L, TP H N. Có mặt.

Người làm chứng:

Ph Đ H1 1976; tổ dân phố B B, thị trấn C Th, huyện Tr N, tỉnh N Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do vay nợ và bị nhiều người đến đòi tiền nên từ năm 2013, Đ Th H cùng chồng là anh Ph Đ H1 lên H N thuê nhà và sinh sống tại thôn C Đ, xã H B, huyện Đ A và phường M Đ 2, quận N T L, TP H N. Ở những nơi thuê trọ, H làm quen với những người xung quanh, H đưa ra thông tin gian dối, tự giới thiệu Minh có mối mua mực khô giá rẻ trong thành phố Đ N mang ra H N bán với lãi suất cao. Tin tưởng những thông tin H đưa ra, các bị hại đã nhiều lần đưa tiền cho H để nhờ mua hộ hoặc góp vốn buôn bán mực khô. Sau khi nhận tiền của các bị hại, H không mua hộ, không buôn bán mực khô như đã cam kết và chiếm đoạt của 04 bị hại tổng số tiền là 3.366.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Ph Th N số tiền 1.167.000.000 đồng.

Năm 2013, Đ Th H cùng chồng là anh Ph Đ H1 và hai đến thuê nhà tại thôn C Đ, xã H B, huyện Đ A, H N để ở và buôn bán đồ ăn nhanh cho công nhân khu công nghiệp T L. Năm 2017 vợ chồng H mua 01 căn nhà gần nhà bà Ph Th N. Quá trình quen biết, H đưa ra thông tin gian dối là mình buôn mực khô ở thành phố Đ N mang ra chợ Đ X, quận H K, H N bán lại lãi xuất từ 10% - 15% trên tổng số vốn đầu tư. H rủ bà N đưa tiền cho H với hình thức góp vốn buôn bán mực khô, H cam kết trong vòng 15 ngày sẽ thu được cả gốc và lãi. Bà N tin tưởng nên đồng ý, ngày 28/9/2017 bà N đưa cho H số tiền 300.000.000 đồng; Những ngày sau đó H đưa ra lý do cần thêm tiền để lấy đủ chuyến mực khô nên ngày 02/10/2017 bà N tiếp tục đưa cho H số tiền 150.000.000 đồng; Khoảng 01 tháng sau H đưa lại cho bà N 90.000.000 đồng và nói là tiền lãi buôn mực khô. Ngày 09/10/2017 bà N đưa cho H số tiền 300.000.000 đồng và 6.500 USD; Ngày 30/11/2017 bà N đưa cho H số tiền 120.000.000 đồng; Ngày 30/01/2018 bà N đưa cho H số tiền 150.000.000 đồng. Những lần bà N đưa tiền cho H hai bên không viết giấy biên nhận mà bà N chỉ ghi vào quyển sổ của bà N và H có ký xác nhận. Tổng

số tiền bà Ph Th N đưa cho Đ Th H là 1.020.000.000 đồng và 6.500 USD (tương đương 147.000.000 đồng theo tỷ giá quy đổi ngoại tệ của ngân Hàng VB ngày 09/4/2018). Sau khi nhận tiền của bà N, H không buôn bán mực khô như cam kết, bà N yêu cầu trả lại tiền nhưng H không trả. Ngày 09/4/2018 bà Ph Th N yêu cầu H viết giấy nhận tiền góp vốn buôn bán mực khô thì H nhờ anh H1 viết Giấy vay tiền với nội dung: H đã nhận của bà N số tiền 1.020.000.000 đồng và 6.500 USD, cam kết đến ngày 20/4/2018 sẽ trả cho bà N, có chữ ký của anh Ph Đ H1 và Đ Th H. Sau nhiều lần yêu cầu trả lại tiền, từ khoảng tháng 02/2018 đến tháng 8/2018, Đ Th H đã trả cho bà N tổng số tiền là 315.000.000 đồng. Còn chiếm đoạt của bà N số tiền là 852.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị L Th Th Hn số tiền 1.574.000.000 đồng.

Do còn nợ tiền bà Ph Th N và bị bà N nhiều lần yêu cầu trả nợ nên khoảng tháng 4/2019, Đ Th H cùng chồng, con chuyển đến thuê 01 phòng tại nhà nghỉ H H, địa chỉ số 122 đường M Đ, phường M Đ 2, quận N T L, H N của chị L Th Th Hn để ở. Quá trình sinh sống, H làm quen với chị Hn và tự giới thiệu mình đang kinh doanh, buôn bán hàng mực khô từ Đ N mang bán tại chợ Đ X với lợi nhuận cao. H nói giá mực khô mua tại Đ N là 650.000đồng/1kg. Thời điểm này chị L Th Th Hn đang kinh doanh cửa Hàng bia hơi nên chị Hn đưa cho H số tiền 20.000.000 nhờ mua hộ khoảng 15 kg mực khô để phục vụ kinh doanh quán bia hơi. Để tạo lòng tin, H đã mua hộ mực khô cho chị Hn đúng hạn. Khoảng 01 tháng sau, H nói với chị Hn là đang mua một chuyến hàng mực khô từ Đ N với giá 650.000 đồng/01kg. Chị Hn thấy giá mực khô H mua trong Đ N rẻ hơn nên nhờ H mua hộ mực khô với số lượng lớn. Ngày 05/5/2019 chị Hn đưa trước cho H số tiền 175.000.000 đồng. H nhận tiền và hẹn chị Hn 15 ngày sau sẽ nhận được Hàng mực khô. Sau khi nhận tiền của chị Hn, H đưa ra lý do cần thêm tiền để lấy hàng mực khô cho đủ chuyến và bảo chị Hn tiếp tục đưa tiền. Tin tưởng nên từ ngày 05/5/2019 đến ngày 04/7/2019, chị Hn đã đưa cho H tổng số 26 lần, lần ít nhất là 3.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 220.000.000 đồng. Những lần giao tiền hai bên không viết giấy biên nhận mà chị Hn chỉ ghi vào quyển sổ tay của chị Hn, tổng số tiền H nhận của chị Hn là 1.574.000.000 đồng để mua mực khô. Trong thời gian này, để tạo lòng tin H nói dối giá mực khô trong Đ N đang tăng, nếu bán ngay sẽ có lãi cao và được chị Hn đồng ý. Ngày 13/6/2019 H chuyển khoản đến tài khoản của chị Hn số tiền

225.000.000 đồng và khoảng tháng 6/2020 H sử dụng số tiền chiếm đoạt của chị Hn mua 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X Max tổng trị giá 50.000.000 đồng tặng chị Hn và con gái chị Hn. Quá thời hạn giao mực khô như cam kết, chị Hn yêu cầu trả lại tiền thì từ ngày 31/5/2019 đến ngày 04/8/2019 H trả lại cho chị Hn tổng số tiền là 884.000.000 đồng. Những lần trả lại tiền hai bên không viết giấy biên nhận, chị Hn đều ghi vào sổ tay của chị Hn. Sau nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng không được, ngày 19/6/2019 H viết Giấy nhận tiền với nội dung: Tôi có nhận số tiền 710.000.000 đồng của chị L Th Th Hn để mua hộ mực khô, hẹn 20 ngày sẽ trả đủ Hàng, có chữ ký của anh Ph Đ H1.

Quá trình điều tra đã xác định tổng số tiền chị L Th Th Hn đưa cho Đ Th H nhờ mua hộ mực khô là 1.574.000.000 đồng, H đã trả cho chị Hn số tiền là 884.000.000 đồng, chị Hn xác nhận 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphon X Max trị giá 50.000.000 đồng H mua tặng mẹ con chị Hn thì chị Hn đồng ý đối trừ vào số tiền H nhận của chị Hn. Chị L Th Th Hn yêu cầu Đ Th H phải bồi thường số tiền 640.000.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh L V Th số tiền 325.000.000 đồng.

Khoảng thời gian Đ Th H thuê phòng nghỉ của nhà chị L Th Th Hn thì anh L V Th (là anh trai chị Hn) làm đầu bếp tại quán bia của chị Hn. H làm quen với anh Th, H tự giới thiệu Mình đang buôn bán mực khô có lợi nhuận cao. H bảo anh Th đưa tiền cho H với hình thức góp vốn cùng buôn bán mực khô, H cam kết sau 15 ngày kể từ ngày góp vốn sẽ nhận được Hàng, sau đó H sẽ bán để thu tiền gốc và lãi trả cho anh Th. Tin tưởng thông tin H đưa ra, ngày 07/5/2019 và ngày 11/6/2019 chị L Th X (là vợ anh Th) đã chuyển khoản vào tài khoản số 0011004218955 mở tại Ngân Hàng TMCP NTVN là tài khoản của anh Ph Đ H1 số tiền 130.000.000 đồng, sau đó anh Th trực tiếp đưa cho H số tiền 195.000.000 đồng, khi đưa tiền hai bên không viết giấy biên nhận. Tổng số tiền nhận của anh L V Th là 325.000.000 đồng, Đ Th H không buôn bán mực khô như cam kết, anh Th yêu cầu trả lại tiền thì H trả lại cho anh Th số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 07/5/2019 H viết Giấy nhận tiền với nội dung: Tôi có nhận số tiền 275.000.000 đồng của anh L V Th để mua hộ mực khô, hẹn 20 ngày sẽ trả đủ Hàng, có chữ ký của anh Ph Đ H1.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị L Th M số tiền 300.000.000 đồng.

Cũng trong khoảng thời gian Đ Th H thuê phòng trọ tại nhà nghỉ của chị L Th Th Hn, H làm quen với chị M (bán thuốc gần nhà chị Hn) và giới thiệu là chị em kết nghĩa với chị Hn. H tự giới thiệu mình đang buôn bán mực khô có lợi nhuận cao. H bảo chị M đưa tiền cho H với hình thức góp vốn để buôn bán mực khô, H cam kết sau 15 ngày kể từ ngày góp vốn sẽ nhận được Hàng, sau đó H sẽ bán để thu tiền gốc và lãi trả cho chị M. Tin tưởng thông tin H đưa ra, trong tháng 6/2019 chị M đã đưa cho H 02 lần tổng số tiền là 300.000.000 đồng, khi đưa tiền hai bên không viết giấy biên nhận. Quá thời hạn cam kết, không thấy Hàng mực khô, chị M hỏi thì H đưa ra nhiều lý do để trì hoãn. Ngày 19/8/2019 chị M yêu cầu H viết giấy nhận tiền thì H viết “Giấy vay nợ” nội dung H làm ăn thiếu vốn nên vay của chị L Th M số tiền 300.000.000 đồng, hẹn 29/8/2019 trả tiền.

Ngày 26/4/2020 Đ Th H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận N T L xin đầu thú và khai nhận Hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 86262*****. Sau khi Cơ quan điều tra khởi tố can và tạm giam bị can thì Đ Th H thay đổi lời khai. H khai số tiền nhận của bà Ph Th N, chị L Th Th Hn, anh L V Th, chị L Th M không phải là tiền góp vốn buôn bán và mua hộ mực khô mà là tiền vay để H buôn bán mực khô với chị H3 nhà ở số 31 đường Ng H, phường M Đ 2, quận N T L, TP H N và mua mực của anh S ở Đảo L S, thành phố Đ N rồi mang bán cho anh H4 ở khu vực chân cầu B C, thành phố H L, tỉnh Q N. Tuy nhiên, H không cung cấp được số điện thoại, địa chỉ cụ thể, tên tuổi đầy đủ của chị H3, anh S, H4, không cung cấp được việc đi xe nào, giao tiền cụ thể cho ai khi giao dịch chuyển Hàng mực khô. H khai quá trình buôn bán mực khô với chị H3, anh S, H4 chỉ liên lạc qua điện thoại di động nhưng chiếc điện thoại liên lạc buôn bán mực khô đã bị mất năm 2018, đến nay H không nhớ số điện thoại của chị H3, anh S, anh H4. Do không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của chị H3, anh S, anh H4 nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xác minh. Cơ quan điều tra xác minh tại nhà số 31 đường Ng H, phường M Đ 2, quận N T L, TP H N xác định: Căn nhà trên là của ông Ng C S2, gia đình ông S2 không quen biết, liên quan gì với Đ Th H.

Tại bản kết luận giám định số 6396/KLGD-PC09-Đ3, ngày 20/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP H N kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “H” và chữ viết dòng họ tên Đ Th H dưới chữ ký (nằm ở lề trái của mặt

sau) trên “Giấy vay tiền” đề ngày 09/4/2018 là chữ do cùng một người viết ra

Tại bản kết luận giám định số 5253/KLGD-PC09-Đ3, ngày 02/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP H N kết luận: Chữ viết phần nội dung và chữ ký “H”, chữ viết dòng họ tên Đ Th H dưới chữ ký trên “Giấy nhận tiền” đề ngày 07/5/2019 và ngày 19/6/2019 với chữ viết, chữ ký đứng tên Đ Th H là do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản kết luận giám định số 7338/KLGD-PC09-Đ3, ngày 11/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP H N kết luận: Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ph Đ H1 dưới chữ ký trên “Giấy vay tiền” đề ngày 09/4/2018 với chữ viết, chữ ký đứng tên Ph Đ H1 là chữ do cùng một người viết và ký ra. Chữ viết phần nội dung, chữ ký dạng chữ viết “H”, chữ viết dòng họ tên Đ Th H dưới chữ ký trên “Giấy vay nợ” đề ngày 19/8/2019 với chữ viết đứng tên Đ Th H là chữ do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra xác định: Thời gian sinh sống cùng H tại huyện Đ A và quận N T L, TP H N, anh H1 không thấy H buôn bán, kinh doanh mực khô, không chứng kiến những lần H giao dịch và nhận tiền của các bị hại, không biết vợ chồng anh L V Th chuyển khoản số tiền 130.000.000 đồng vào tài khoản của anh H1, thực tế tài khoản trên do Đ Th H sử dụng. Sau khi các bị hại yêu cầu H trả lại tiền, anh H1 mới biết H nhận tiền để kinh doanh mực khô, anh H1 đã viết và ký vào các giấy nhận tiền để H có thời gian trả nợ cho các bị hại. Bản thân anh H1 không biết H sử dụng số tiền chiếm đoạt vào việc gì, không được hưởng lợi từ tiền H chiếm đoạt.

Tại Bản cáo trạng số 466/CT-VKS-P3 ngày 15/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân TP H N truy tố bị cáo Ng Kh H5 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận bản thân không kinh doanh mực khô, bị cáo giới thiệu với bà Ph Th N, chị L Th Th Hn, anh L V Th về việc có thể mua mực khô từ Đ N với giá rẻ nhằm mục đích tạo lòng tin để bà N, chị Hn và anh Th góp vốn rồi chiếm đoạt tiền của họ; bị cáo xác nhận số tiền đã nhận và đã trả cho bà N, chị Hn và anh Th như bản cáo trạng nêu. Bị cáo xác nhận đã nhận của chị L Th M số tiền 300.000.000 đồng nhưng cho rằng đó là chị M cho bị cáo vay.

- Những người bị hại đồng ý với nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải trả lại số tiền còn chiếm đoạt.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H N:

+ Lời khai không nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và lời khai về việc bị cáo vay lãi 300.000.000 đồng của chị M là không có cơ sở để chấp nhận. Bị cáo khai bản thân kinh doanh mực khô một thời gian dài với khối lượng, giá trị hàng rất lớn nhưng không đưa ra được thông tin về người mua, người bán mực khô với bị cáo và cũng không có người nào chứng kiến về việc bị cáo buôn bán mực khô. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H N giữ nguyên quan điểm truy tố với bị cáo.

+ Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ Hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù và buộc bị cáo phải trả lại cho người bị hại số tiền còn chiếm đoạt tương ứng, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng, và không có ý kiến gì đối với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: bản thân không kinh doanh mực khô, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bà Ph Th N, chị L Th Th Hn và anh L V Th như nội dung bản cáo trạng quy kết. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như các chứng cứ khác được thu thập trong vụ án.

Đối với khoản tiền bị cáo nhận của chị L Th M: Căn cứ vào lời khai của bị cáo (bút lục 83), lời khai của người bị hại L Th M, lời khai người làm

chứng là chị Ng Th D1 và chị Ng Th B Tm (từ bút lục số 367 đến 372) và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị cáo rủ chị M góp vốn mua mực khô và hứa hẹn sẽ có lãi cao trong thời gian ngắn, sau khi chị M giao 300.000.000 đồng để mua mực khô thì bị cáo chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Đ Th H không có nghề nghiệp ổn định. Do bị đòi nợ nên từ năm 2013, Đ Th H cùng chồng, con chuyển lên TP H N thuê nhà để ở. Từ năm 2017 đến 2019, H làm quen và tạo lòng tin với những người Hàng xóm nơi vợ chồng H sinh sống, Đ Th H đưa ra thông tin gian dối, tự giới thiệu mình đang buôn bán mực khô với lợi nhuận cao để các bị hại tin tưởng đưa tiền nhờ mua hộ mực khô hoặc cùng góp vốn cùng H kinh doanh mực khô, các bị hại đã nhiều lần đưa tiền cho H nhưng H không thực hiện như cam kết cam kết mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Với thủ đoạn trên, từ năm 2017 đến năm 2019 Đ Th H đã lừa đảo chiếm đoạt của 04 bị hại tổng số tiền 3.366.000.000 đồng. Trong đó chiếm đoạt của bà Ph Th N số tiền 1.167.000.000 đồng; Chiếm đoạt của chị L Th Th Hn số tiền 1.574.000.000 đồng; Chiếm đoạt của anh L V Th số tiền 325.000.000 đồng; Chiếm đoạt của chị L Th M số tiền 300.000.000 đồng.

Với Hành vi nêu trên, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân TP H N truy tố về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn, bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận được coi là thành khẩn, đã trả lại cho người bị hại một phần số tiền chiếm đoạt, bị cáo ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được, anh Ph Đ H1 không biết bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại, không được hưởng lợi gì nên không đồng phạm với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được bị cáo còn chiếm đoạt 2.067.000.000 đồng của người bị hại. Trong đó của bà Ph Th N 852.000.000 đồng, của chị L Th Th Hn 640.000.000 đồng, anh L V Th 275.000.000 đồng và chị L Th M 300.000.000 đồng.

Như vậy cần buộc bị cáo phải trả lại những người bị hại số tiền còn chiếm đoạt tương ứng.

[4] Cần tiếp tục lưu giữ 01 điện thoại thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi Hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đ Th H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đ Th H 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2021.

3. Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải trả lại người bị hại:

- Bà Ph Th N 852.000.000 đồng;
- Chị L Th Th Hn 640.000.000 đồng;
- Anh L V Th 275.000.000 đồng;
- Chị L Th M 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân Hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Căn cứ Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu xanh để đảm bảo thi hành án (tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/02/2022 giữa Công an TP H N và Cục thi Hành án dân sự TP H N).

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 73.340.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp. HN;
- Công an Tp. HN;
- Cục THADS T.p HN;
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND cấp cao tại HN;
- Lưu HS, VP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ng Th Nh